TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy

Việt *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng;

2. Bà Trần Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Trương Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 173/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2017 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 986/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 /8/ 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1972;

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1965;

Trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão chị Lê Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 1992, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 09/10/1992. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm với nhau, không thống nhất về phát triển kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con, vợ chồng không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi nhau, anh S uống rượu, nhiều lần đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng

02/2017. Nay Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Lão giải quyết cho Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 06/12/1993; Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 17/8/2003, ly hôn do con Nguyễn Thị Thu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu nuôi dưỡng, đối với cháu Nguyễn Thị Mai H, Chị T đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị T trình bày chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Thống nhất với Chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, anh S cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, trong lúc nóng giận anh có tát chị T, nhưng bản thân còn tình cảm với Chị T đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung anh S thống nhất với Chị T về việc vợ chồng có 02 con chung về họ tên tuổi như Chị T trình bày, trường hợp ly hôn, con lớn đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, con nhỏ anh S đề nghị được nuôi con và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S, giao con chung Nguyễn Thị Mai H cho Chị T được quyền nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S; về án phí: đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão.

2. Về hôn nhân:

Chị Lê Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn S trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/10/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện

A, thành phố Hải Phòng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T, anh S chung sống với nhau tại tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, căn cứ vào tài liệu xác nhận tình trạng hôn nhân do nguyên đơn Chị T cung cấp (bút lục 38,39), biên bản xác minh của Tòa án (bút lục 36) thể hiện: Chị T, anh S trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tin tưởng thông cảm với nhau, thường xuyên cãi, chửi nhau, trong lúc cãi nhau anh S đã nhiều lần đánh đuổi chị T, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn nặng nề, căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, chị T, anh S đã ly thân nhau từ tháng 02/2017. Khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình có nội dung quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhay, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác", việc chị T, anh S đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2017, nguyên nhân do sự mâu thuẫn của hai vợ chồng. Điều đó thể hiện việc vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ đối với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn S là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về con chung: Chị T, anh S có 02 con chung Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 06/12/1993; Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 17/8/2003. Nay cháu Lan đã trưởng thành nên vấn đề người nuôi dưỡng không đặt ra, Hội đồng xét xử không xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Mai H còn nhỏ, chị T, anh S đều có nguyện vọng được nuôi con, và có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên xét thấy, cháu H đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị T, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Mai H cho Chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

4. *Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác*:

Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. *Về án phí*:

Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S;

2- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 17/8/2003 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn S.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002585, ngày 10/7/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục thi hành án huyện An Lão;
- UBND xã Quốc Tuấn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt